

Bản án số: **33 /2023/HS-ST**
Ngày 28 - 8 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh, ông Trần Khắc Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1984 tại tỉnh Tuyên Quang

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị P; có vợ Phùng Thị N1 và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/6/2019, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Qua lại biên giới Quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định, phạt tiền 4.000.000 đồng (đã chấp hành).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. *Có mặt.*

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T1 – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Phùng Thị N1, sinh năm 1988; có mặt;
2. Chị Triệu Thị Q, sinh năm 1994; có mặt;
3. Anh Nông Văn E, sinh năm 1977; có mặt;
4. Chị Hoàng Thị T2, sinh năm 1981; có mặt;
5. Anh Ma Văn H, sinh năm 1985; có mặt;

6. Chị Lý Thị V, sinh năm 1967; có mặt;
7. Anh Triệu Văn H1, sinh năm 1976; có mặt;
8. Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1977; vắng mặt;
9. Anh Bàn Văn T3, sinh năm 1988; có mặt;

Đều trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. 10. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990; có mặt;

11. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1981; vắng mặt;
12. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1988; có mặt;
13. Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1986; có mặt;
14. Anh Hoàng Văn T5, sinh năm 1992; vắng mặt;

Đều trú tại: Thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

15. Anh Bàn Văn L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/11/2018, bị cáo Hoàng Văn T đang ở nhà thì nhận được cuộc gọi điện thoại của Phùng Văn T6 (anh vợ T hiện đang ở Trung Quốc chặt mía thuê) gọi từ Trung Quốc về số điện thoại của bị cáo, trao đổi với nội dung: T6 và mọi người đã tìm được việc làm chặt mía thuê, tiền công từ 2 - 2,3 NDT/01 bó mía, 01 người mỗi ngày có thể chặt được từ 40 - 80 bó mía, tiền công đạt từ 100 - 140 NDT (khoảng 3.00.000 đồng đến 4.00.000 đồng), chủ người Trung Quốc nuôi ăn, ở. T6 nói với bị cáo xem có ai muốn đi làm thì bảo họ cùng đi; lúc nào đi thì thông báo trước để T6 bố trí người hướng dẫn đón, đưa sang Trung Quốc; chi phí đến khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng những người đi phải tự lo, khi sang đất Trung Quốc thì chủ người Trung Quốc chi phí.

Sau khi nói chuyện với T6, bị cáo T đã nói với Phùng Thị N1 (vợ T), Ma Văn H, Bàn Văn T3, Nông Văn E và Triệu Thị Q với nội dung như T6 đã trao đổi, bị cáo nói sắp đi Trung Quốc và rủ mọi người cùng đi, tất cả đồng ý. Biết được thông tin bị cáo đi Trung Quốc làm thuê, Hoàng Thị T2, Lý Thị V, Triệu Văn H1, Hoàng Thị K; Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T4, Hoàng Văn C, Hoàng Văn M, Hoàng Văn T5 đã điện thoại cho bị cáo hỏi về công việc, tiền công, chi phí đi lại thì bị cáo nói lại với mọi người về nội dung như T6 đã trao đổi, tất cả đều bảo bị cáo cho đi cùng. Sau đó bị cáo điện thoại hẹn 14 người sáng ngày 26/11/2018 có mặt tại bến xe khách C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để đón xe khách đi đến khu vực biên giới tỉnh Cao Bằng.

Khoảng 08 giờ ngày 26/11/2018, bị cáo T cùng mọi người có mặt tại bến xe khách C, huyện B thì có Bàn Văn L biết thông tin nên đến bến xe gặp bị cáo xin đi làm thuê, bị cáo đồng ý. Sau đó bị cáo cùng 15 người gồm: Phùng Thị N1, Ma Văn H, Bàn Văn T3, Nông Văn E, Triệu Thị Q, Hoàng Thị T2, Lý Thị V, Triệu Văn H1, Hoàng Thị K,

Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T4, Hoàng Văn C, Hoàng Văn M, Hoàng Văn T5 và Bàn Văn L đi xe ô tô khách đến bến xe khách tỉnh Cao Bằng. Trên đường đi bị cáo điện thoại thông báo cho T6 biết số lượng người đi để T6 bố trí người đón, đưa đến nơi làm việc thì được T6 hướng dẫn đón xe đi đến khu vực thác B sẽ có người đón. Đến bến xe khách Cao Bằng, bị cáo cùng mọi người đón 01 xe ô tô (không xác định được nhà xe, biển số) đi theo sự hướng dẫn của T6. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo và mọi người đến khu vực T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng thì có 01 người đàn ông (không xác định tên, tuổi và địa chỉ) vẫy xe khách lại, lên xe và hỏi: “*Có phải nhóm người của anh T6 đi sang bên kia chặt mía không?*”, bị cáo trả lời: “*Phải*”. Sau đó người đàn ông bảo nhóm của bị cáo xuống xe và đưa đến khu vực bờ sông biên giới rồi dùng bè mảng đưa mọi người qua sông vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau đó 01 lái xe ô tô (không xác định tên, tuổi và địa chỉ) đón và lái xe đưa bị cáo và mọi người đi sâu vào đất Trung Quốc, khoảng hơn 01 giờ thì đến một trang trại trồng mía. Tại đây, nhóm của bị cáo gặp T6 và nhóm người đi cùng T6 trước đó.

Ngày 27/11/2018, nhóm của bị cáo T và nhóm của T6 cùng nhau chặt mía thuê cho chủ người Trung Quốc. Đến đêm ngày 28/11/2018, trong khi nhóm của bị cáo T và nhóm của T6 đang nghỉ tại trang trại thì bị Cục Công an huyện Đ, Khu tự trị dân tộc C1, Q, Trung Quốc kiểm tra, phát hiện T6, T và 55 người cư trú, lao động bất hợp pháp nên tiến hành bắt giữ. Ngày 03/12/2018, Cơ quan chức năng Trung Quốc đã trao trả: bị cáo Hoàng Văn T, Phùng Thị N1, Ma Văn H, Bàn Văn T3, Nông Văn E, Triệu Thị Q, Hoàng Thị T2, Lý Thị V, Triệu Văn H1, Hoàng Thị K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T4, Hoàng Văn C, Hoàng Văn M, Hoàng Văn T5 và Bàn Văn L cùng 40 người nhóm của T6 về Việt Nam qua Cửa khẩu L1, tỉnh Cao Bằng.

Tại Bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-P2 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài theo điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa những người làm chứng có mặt đều giữ nguyên lời khai của mình tại cơ quan điều tra và đều khẳng định có được bị cáo T thông tin, giúp đỡ trong quá trình tổ chức trốn sang Trung Quốc làm thuê.

Kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (16/5/2023).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T trình bày luận cứ: Nhất trí tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như luận tội Kiểm sát viên đã đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt, do bị cáo phạm tội không vì mục đích tư lợi; tham gia với vai trò giúp sức cho Phùng Văn T6; là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo còn đề nghị Hội đồng miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung thêm ý kiến.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: lời khai của những người làm chứng, kết quả tương trợ tư pháp và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 26/11/2018, tại khu vực biên giới thác B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, bị cáo Hoàng Văn T, đã tổ chức cho 15 người, gồm: Phùng Thị N1; Triệu Thị Q; Nông Văn E; Hoàng Thị T2; Ma Văn H; Lý Thị V; Triệu Văn H1; Hoàng Thị K; Bàn Văn T3; Nguyễn Văn B; Nguyễn Văn T4; Hoàng Văn C; Hoàng Văn M và Hoàng Văn T5 trốn sang Trung Quốc nhằm ở lại Trung Quốc làm thuê trái phép.

Bị cáo Hoàng Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp; số lượng bị cáo tổ chức trốn sang Trung Quốc nhằm ở lại Trung Quốc làm thuê trái phép trên 11 người; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm

phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, xâm phạm an ninh đối nội và đối ngoại của nhà nước Việt Nam, do vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội *Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài* quy định tại khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo.

[4] Về hình phạt: Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi không vì tư lợi mà vì mong muốn giúp bạn bè, người thân có việc làm, có thu nhập. Tuy nhiên, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại vùng biên giới, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Đối với hành vi của Phùng Văn T6 vào ngày 20/11/2018, tại xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang, đã tổ chức cho 40 người, cụ thể ở thôn B, xã Đ (36 người), ở thôn B, xã Y, huyện N (01 người), ở thôn P, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (01 người), ở thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (02 người) trốn đi Trung Quốc trái phép để làm thuê. Hành vi của T6 đã bị Toà án nhân dân huyện Đại Tân, Khu tự trị dân tộc C1, Q, Trung Quốc, xử phạt 05 năm tù, phạt tiền: 8.000 nhân dân tệ, về tội "*Tổ chức cho người khác vượt biên*". Trong thời gian Thương thi hành án tại Trại giam N2, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc đến ngày 15/6/2022 T6 bị chết nên không đề cập xử lý.

Đối với những người đàn ông lái xe khách từ Bắc Kạn đi Cao Bằng; người đàn ông lái xe từ Cao Bằng đi thác B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; người đàn ông đưa nhóm của T xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và người đàn ông lái xe người Trung Quốc, do không xác định được tên, tuổi và địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Đối với hành vi Qua lại biên giới Quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh theo quy định của Hoàng Văn T cùng 15 người (đi cùng nhóm của T) và 38 người (đi cùng nhóm của T6). Ngày 10/6/2019, Phòng Q Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính (hình thức phạt tiền). Đối với Dương Thị T7 và Hoàng Văn H2 (là 02 người đi cùng

nhóm của T7), ngày 24/5/2019, Phòng Q Công an tỉnh B đã xử lý bằng biện pháp cam kết không tiếp tục xuất cảnh trái phép.

[6] Về án phí: Tại phiên tòa bị cáo, Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xét đề nghị trên là phù hợp với Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bị cáo Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/5/2023).

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn T.

3. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2023)./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQANĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tuấn Vinh

